

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai
trong nhà trường theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và
Công văn số 551/SGDĐT - TTr. Năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NAM HÀ

Căn cứ Điều 11 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ
trưởng Bộ GD&ĐT quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT “
Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc
hệ thống giáo dục quốc dân”; Công văn số 551/SGDĐT - TTr ngày 17/3/2022
về việc hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 của nhà trường;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà
trường năm học 2023 - 2024 theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT và Công
văn số 551/SGDĐT - TTr gồm 07 Ông (Bà) (Có danh sách kèm theo).

Điều 2: Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai có trách nhiệm xây
dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ, chính xác các nội dung và tiến hành công
khai theo đúng quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT và Công văn số
551/SGDĐT - TTr.

Nhiệm vụ của các thành viên do Trưởng ban phân công.

Điều 3: Các bộ phận văn phòng, chuyên môn, GVCN các lớp và các ông
(bà) có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Lưu: VT.



THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học. Có đầy đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ. - Học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại phường Nam Sơn và Tổ dân Trần nhân Tông 1, 2 thuộc phường Quán Trữ quận Kiến An.	- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, học xong chương trình lớp 6. Có đầy đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ. - Học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại phường Nam Sơn và Tổ dân Trần nhân Tông 1, 2 thuộc phường Quán Trữ quận Kiến An.	- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, học xong chương trình lớp 7. Có đầy đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ. - Học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại phường Nam Sơn và Tổ dân Trần nhân Tông 1, 2 thuộc phường Quán Trữ quận Kiến An.	- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, học xong chương trình lớp 8. Có đầy đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ. - Học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại phường Nam Sơn và Tổ dân Trần nhân Tông 1, 2 thuộc phường Quán Trữ quận Kiến An.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Chương trình GDPT 2018. - Học kỳ I: 18 tuần; - Học kỳ II; 17 tuần.	- Chương trình GDPT 2018. - Học kỳ I: 18 tuần; - Học kỳ II; 17 tuần.	- Chương trình GDPT 2018. - Học kỳ I: 18 tuần; - Học kỳ II; 17 tuần.	- Chương trình GDPT 2006. - Học kỳ I: 18 tuần; - Học kỳ II; 17 tuần.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh theo qui định của Bộ GD & ĐT. - Gia đình quản lý việc học và làm bài ở nhà của học sinh; thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường. Phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục, thi đua khen thưởng. - Học sinh chuẩn bị và làm bài đầy đủ, chủ động tích cực trong học tập. 			

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	sinh				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt học tốt kỷ niệm các ngày lễ trong năm học như ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thành lập Đoàn 26/3. - Tổ chức cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, STEM, bồi dưỡng HSG, phụ đạo học sinh yếu kém, tham gia các cuộc thi trên mạng như Olympic Tiếng Anh, Toán Tiếng Anh, an toàn giao thông,.... - Phối hợp với Trung tâm kỹ năng sống Smile để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. - Phối hợp với Trung tâm Econnect để học sinh được giao tiếp với người nước ngoài trong học tập môn Tiếng Anh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt học tốt kỷ niệm các ngày lễ trong năm học như ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thành lập Đoàn 26/3. - Tổ chức cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, STEM, bồi dưỡng HSG, phụ đạo học sinh yếu kém, tham gia các cuộc thi trên mạng như Olympic Tiếng Anh, Toán Tiếng Anh, an toàn giao thông,.... - Phối hợp với Trung tâm kỹ năng sống Smile để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. - Phối hợp với Trung tâm Econnect để học sinh được giao tiếp với người nước ngoài trong học tập môn Tiếng Anh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt học tốt kỷ niệm các ngày lễ trong năm học như ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thành lập Đoàn 26/3. - Tổ chức cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, STEM, bồi dưỡng HSG, phụ đạo học sinh yếu kém, tham gia các cuộc thi trên mạng như Olympic Tiếng Anh, Toán Tiếng Anh, an toàn giao thông,.... - Phối hợp với Trung tâm kỹ năng sống Smile để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt học tốt kỷ niệm các ngày lễ trong năm học như ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thành lập Đoàn 26/3. - Tổ chức cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, STEM, bồi dưỡng HSG, phụ đạo học sinh yếu kém, tham gia các cuộc thi trên mạng như Olympic Tiếng Anh, Toán Tiếng Anh, an toàn giao thông,....
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự	Kết quả học tập: <ul style="list-style-type: none"> - Tốt: 55% - Khá: 35% - Đạt: 10% 	Kết quả học tập: <ul style="list-style-type: none"> - Tốt: 50% - Khá: 34,26% - Đạt: 14,81% 	Xếp loại học lực: <ul style="list-style-type: none"> - Tốt: 55,36% - Khá: 26,79% - Đạt: 13,1% 	Xếp loại học lực: <ul style="list-style-type: none"> - Giỏi: 31.21% - Khá: 39.88% - Trung bình: 21.97%

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	kiến đạt được	- Chưa đạt: % Kết quả rèn luyện: - Tốt: 97% - Khá: 2% - Đạt: 1% - Chưa đạt: %	- Chưa đạt: 0,93% Kết quả rèn luyện: - Tốt: 97,69% - Khá: 1,39% - Đạt: 0,93% - Chưa đạt: 0%	- Chưa đạt: 4,76% Xếp loại hạnh kiểm: - Tốt: 94,64% - Khá: 5,36% - Đạt: 0% - Chưa đạt: 0%	- Yếu: 6.36%; - Kém: 0.58% Xếp loại hạnh kiểm: - Tốt: 87.86% - Khá: 8.09% - Trung bình: 4.05% - Yếu: 0%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh có khả năng tiếp tục học tập ở cấp học cao hơn. - 95% - 99% học sinh tham gia học tiếp sau tốt nghiệp THCS.			

BAN KIỂM TRA
 Ngày 06 tháng 09 năm 2023
 TRƯỜNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 NAM HÀ
 HIỆU TRƯỞNG
 Đồng Thị Hoa

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	340			173	167
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	94.7			89.6	100
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	3.24			6.4	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2.1			4.1	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	0
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	384	216	168		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	96.4	97.7	94.6		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	3.4	1.9	5.4		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.3	0.5	0		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0		
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	340			173	167
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	37.1			31.8	42.5
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	45			41.0	49.1
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	16.5			24.3	8.4
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.5			2.9	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	0
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	384	216	168		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	51.6	48.6	55.4		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	32.8	36.1	28.6		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	14.1	14.8	13.1		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.6	0.5	3.0		
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	724	216	168	173	167
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.5	99.5	97.6	97.1	100
1.1	Áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng)	37.1			31.8	42.5

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	số)					
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	45			41	49.1
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)					
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	8.6	11.1	5.4		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	43	37.5	50		
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	0.46	0.01	1.78	2.31	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.55	0.01	0.6	1.2	0
4	Chuyên trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	1.24	0.9	1.8	2.3	0
5	Chuyên trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	0.4	0	1.2	0.6	0
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.55	0	0	2.3	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	167	0	0	0	167
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	42.5	0	0	0	42.5
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49.1	0	0	0	49.1
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	8.4	0	0	0	8.4
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					115 (68.8%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	367/357	104/112	80/88	103/70	80/87
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Nam Sơn, ngày 25 tháng 8 năm 2023
 TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 NAM HÀ
 Đông Thị Hoa

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	19	01 lớp/01 phòng
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	19	01 lớp/01 phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	07	01 lớp/01 phòng
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	19	01 lớp/01 phòng
8	Bình quân học sinh/lớp		43,68
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6.930m²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.800m²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.140m ²	60m ² / phòng
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	336 m ²	48m ² /01 phòng
3	Diện tích thư viện (m ²)	120m ²	120m ² /phòng
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60m ²	30m ² /phòng
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		01
1.1	Khối lớp 6		01
1.2	Khối lớp 7		01
1.3	Khối lớp 8		01
1.4	Khối lớp 9		01
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		01
2.3	Khối lớp 8		01
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		01
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Ti vi	19	01/01 lớp
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
6		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	19	01/01 lớp
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...		

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	30m ²	3	30m ²	1	30m ²	1	30m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nam Sơn, ngày 25 tháng 8 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Đông Thị Hoa

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	T C	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32		04	27					26	04			29	3		
I	Giáo viên																
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	28		02	24					24	04			26	2		
1	Toán			02	07												
2	Lý				01												
3	Hóa				01												
4	Sinh				01												
5	Công nghệ				01												
6	Thể dục				01												
7	Tin				01												
8	Văn				07												
9	Tiếng Anh				03												
10	Sử				01												
11	Địa				01												
12	GDCD				01												
13	Mỹ Thuật				01												
14	Âm nhạc				01												
15	Tổng phụ trách				0												
II	Cán bộ quản lý	02		02						02							
1	Hiệu trưởng	01		01						01							
2	Phó hiệu trưởng	01		01						01							
III	Nhân viên				02												
1	Nhân viên văn thư																
2	Nhân viên kế toán	01			01												
3	Thủ quỹ																
4	Nhân viên y tế																
5	Nhân viên thư viện																
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	01			01												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật																
8	Nhân viên công nghệ thông tin																

Nam Sơn, ngày 25 tháng 8 năm 2023
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NAM HÀ
 Đồng Thị Hoa

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023 - 2024 và 02 năm tiếp theo.

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	02 năm	Giáo viên	01	ĐHSP Toán	Vừa học vừa làm	Đại học	

Nam Sơn, ngày 15 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Đông Thị Hoa

Hướng dẫn ghi biểu

- Cột 2: Ghi dự kiến thời gian đào tạo, bồi dưỡng từ tháng/năm đến tháng/năm
- Cột 3: Ghi tên đối tượng tham gia: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.....
- Cột 6: Ghi hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Tập trung, vừa học vừa làm, trực tuyến.....
- Cột 7: Ghi trình độ đào tạo, bồi dưỡng đạt được sau khi hoàn thành (Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Chứng chỉ, Chứng nhận....)